

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 - 30 |

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2003, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DMC theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) văn phòng đại diện và tám (8) chi nhánh đang hoạt động toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|------------------------------|--------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Việt Phương | Chủ tịch | |
| Bà Lương Thị Hương Giang | Phó Chủ tịch | |
| Ông Douglas Kuo | Thành viên | |
| Ông Cedric Guy Yves Schepens | Thành viên | |
| Ông Leonid Goldshteyn | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Phi Thức | Thành viên | bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Văn Hóa | Thành viên | miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|----------------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Huỳnh Thị Tố Quyên | Trưởng ban | bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Phi Thức | Trưởng ban | miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |
| Ông Phan Thế Thành | Thành viên | |
| Bà Servane Marie Amelie Gorgiard | Thành viên | |
| Ông Samuel Timothy Nance | Thành viên | |
| Bà Sze Chin Wong | Thành viên | |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|--------------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Bà Lương Thị Hương Giang | Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Duy Tùng | Phó Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2022 |
| Ông Nguyễn Văn Hóa | Phó Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Lương Thị Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 


Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 11527002/22990298

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1



A handwritten signature in blue ink.

Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4171-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.598.607.969.763 | 1.421.755.239.468 |
| 110 | I. Tiền | 4 | 47.463.732.374 | 85.376.797.212 |
| 111 | 1. Tiền | | 47.463.732.374 | 85.376.797.212 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 405.000.000.000 | 225.000.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 405.000.000.000 | 225.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 739.003.271.638 | 760.049.544.189 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6.1 | 716.569.016.247 | 742.961.505.337 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6.2 | 8.112.896.439 | 3.492.766.605 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 16.615.810.853 | 16.547.481.492 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 6 | (2.297.398.884) | (2.967.376.590) |
| 139 | 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | | 2.946.983 | 15.167.345 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 8 | 402.743.526.065 | 348.511.691.189 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 402.743.526.065 | 348.511.691.189 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 4.397.439.686 | 2.817.206.878 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 13 | 4.397.439.686 | 2.784.189.435 |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | - | 33.017.443 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 239.369.166.659 | 200.096.193.520 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 159.462.978.437 | 171.994.440.204 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 9 | 112.933.136.761 | 126.387.815.324 |
| 222 | Nguyên giá | | 502.608.538.765 | 498.995.846.752 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (389.675.402.004) | (372.608.031.428) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 10 | 46.529.841.676 | 45.606.624.880 |
| 228 | Nguyên giá | | 62.096.813.583 | 59.791.813.583 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (15.566.971.907) | (14.185.188.703) |
| 240 | II. Tài sản dở dang dài hạn | | 11.368.149.181 | 8.247.497.120 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 11 | 11.368.149.181 | 8.247.497.120 |
| 250 | III. Đầu tư tài chính dài hạn | | 67.600.926.059 | 17.600.926.059 |
| 253 | 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 12 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| 254 | 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (2.399.073.941) | (2.399.073.941) |
| 255 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 50.000.000.000 | - |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 937.112.982 | 2.253.330.137 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 13 | 937.112.982 | 2.253.330.137 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.837.977.136.422 | 1.621.851.432.988 |

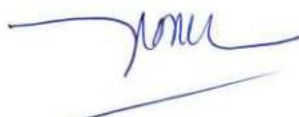
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 378.466.672.183 | 255.819.978.434 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 378.327.564.253 | 255.731.769.104 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 14.1 | 316.962.763.448 | 206.408.500.258 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 14.2 | 25.222.188.136 | 8.136.086.921 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 19.804.901.820 | 18.397.622.537 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | 16 | 2.452.278.108 | 2.588.735.073 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 7.082.753.616 | 5.262.480.880 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 5.151.747.752 | 12.814.904.142 |
| 322 | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 18 | 1.650.931.373 | 2.123.439.293 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 139.107.930 | 88.209.330 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 17 | 139.107.930 | 88.209.330 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.459.510.464.239 | 1.366.031.454.554 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 19.1 | 1.459.510.464.239 | 1.366.031.454.554 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 347.274.650.000 | 347.274.650.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 347.274.650.000 | 347.274.650.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 60.333.949.894 | 60.333.949.894 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 851.826.005.327 | 799.140.986.365 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 200.075.859.018 | 159.281.868.295 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 200.075.859.018 | 159.281.868.295 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.837.977.136.422 | 1.621.851.432.988 |




Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|---------------------|---------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng | 20.1 | 1.593.498.072.152 | 1.567.817.504.900 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 20.1 | (771.324.149) | (69.422.658.310) |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng | 20.1 | 1.592.726.748.003 | 1.498.394.846.590 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 21 | (1.139.838.059.083) | (1.096.779.308.875) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng | | 452.888.688.920 | 401.615.537.715 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 20.2 | 23.557.046.390 | 14.267.642.239 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 23 | (10.108.004.704) | (2.709.042.592) |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 22 | (146.216.724.157) | (144.898.379.173) |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 22 | (72.188.363.768) | (70.312.214.024) |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 247.932.642.681 | 197.963.544.165 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | 2.321.768.829 | 1.240.924.310 |
| 32 | 12. Chi phí khác | | (55.979.457) | (137.994) |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 2.265.789.372 | 1.240.786.316 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 250.198.432.053 | 199.204.330.481 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 25.1 | (50.122.573.035) | (39.922.462.186) |
| 60 | 16. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 200.075.859.018 | 159.281.868.295 |
| 70 | 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 19.4 | 5.761 | 4.128 |
| 71 | 18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 19.4 | 5.761 | 4.128 |



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng





Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|--|-------------|--------------------------|-------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 250.198.432.053 | 199.204.330.481 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn | 9, 10 | 19.700.274.019 | 24.146.095.583 |
| 03 | Hoàn nhập dự phòng | | (669.977.706) | (4.232.274.229) |
| 04 | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (1.853.920.690) | (260.043.212) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (19.485.825.463) | (11.759.088.162) |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 247.888.982.213 | 207.099.020.461 |
| 09 | Giảm (tăng) các khoản phải thu | | 21.398.764.771 | (272.555.228) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (54.231.834.876) | (98.285.768.672) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 120.429.956.416 | 106.801.657.835 |
| 12 | (Tăng) giảm chi phí trả trước | | (261.318.757) | 4.264.426.378 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (45.955.124.134) | (37.467.744.813) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (15.580.130.184) | (19.694.009.166) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 273.689.295.449 | 162.445.026.795 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") | | (10.565.222.271) | (6.114.232.713) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý TSCĐ | | 508.686.869 | 159.181.819 |
| 23 | Tiền gửi kỳ hạn | | (550.000.000.000) | (235.000.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn | | 320.000.000.000 | 135.000.000.000 |
| 27 | Lãi tiền gửi nhận được | | 15.273.576.954 | 8.197.695.821 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (224.782.958.448) | (97.757.355.073) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 36 | Cổ tức đã trả | 19.2 | (86.818.662.500) | (86.818.662.500) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (86.818.662.500) | (86.818.662.500) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|------------------|------------------|
| 50 | Lưu chuyển trong năm | | (37.912.325.499) | (22.130.990.778) |
| 60 | Tiền đầu năm | | 85.376.797.212 | 107.527.454.592 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (739.339) | (19.666.602) |
| 70 | Tiền cuối năm | 4 | 47.463.732.374 | 85.376.797.212 |



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30 tháng 12 năm 2003, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DMC theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) văn phòng đại diện và tám (8) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 990 người (31 tháng 12 năm 2021: 1.023 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo :

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Năm tài chính năm

Năm tài chính năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty có khả năng thu tiền dự kiến tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 15 năm |
| Quyền sử dụng đất | 37 - 47 năm |
| Bằng sáng chế | 5 năm |
| Phần mềm máy tính | 5 năm |

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ về ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

| | VND | |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | 4.444.261.466 | 2.315.732.285 |
| Tiền gửi ngân hàng | <u>43.019.470.908</u> | <u>83.061.064.927</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>47.463.732.374</u> | <u>85.376.797.212</u> |

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 5,3%/năm đến 10,0%/năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện khoản tiền gửi dài hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ mười ba (13) tháng đến mười lăm (15) tháng và hưởng lãi suất 9,2%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | VND | |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải thu từ bên khác | 715.034.506.648 | 740.361.012.468 |
| <i>Công ty TNHH Xuân Vy</i> | 161.844.148.178 | 135.597.507.100 |
| <i>Công ty TNHH Thương mại Dược Thuận Gia</i> | 139.075.267.038 | 100.270.422.134 |
| <i>Khác</i> | 414.115.091.432 | 504.493.083.234 |
| Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>) | <u>1.534.509.599</u> | <u>2.600.492.869</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>716.569.016.247</u> | <u>742.961.505.337</u> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | <u>(2.297.398.884)</u> | <u>(2.967.376.590)</u> |
| GIÁ TRỊ THUẬN | <u>714.271.617.363</u> | <u>739.994.128.747</u> |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | VND | |
|---|----------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 2.967.376.590 | 5.727.163.356 |
| <i>Trừ:</i> Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm | <u>(669.977.706)</u> | <u>(2.759.786.766)</u> |
| Số cuối năm | <u>2.297.398.884</u> | <u>2.967.376.590</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | VND | |
|--|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Covalent Laboratoires Pvt. Ltd - India | 5.341.500.000 | - |
| Khác | 2.771.396.439 | 3.492.766.605 |
| TỔNG CỘNG | 8.112.896.439 | 3.492.766.605 |

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Lãi tiền gửi | 9.569.520.545 | 5.865.958.905 |
| Quỹ khen thưởng | 2.561.147.839 | 6.529.979.075 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 818.435.904 | 850.480.510 |
| Ký quỹ, ký cược | 240.092.451 | 243.347.029 |
| Khác | 3.426.614.114 | 3.057.715.973 |
| TỔNG CỘNG | 16.615.810.853 | 16.547.481.492 |

8. HÀNG TỒN KHO

| | VND | | | |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu | 173.454.082.818 | - | 154.104.998.427 | - |
| Thành phẩm | 113.458.735.709 | - | 93.704.104.042 | - |
| Hàng hóa | 78.199.280.798 | - | 50.480.888.614 | - |
| Hàng mua đang đi đường | 22.683.704.298 | - | 21.957.819.671 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 14.947.722.442 | - | 28.263.880.435 | - |
| TỔNG CỘNG | 402.743.526.065 | - | 348.511.691.189 | - |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | VND | |
|--|---------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | - | 1.328.143.853 |
| Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm | - | (1.328.143.853) |
| Số cuối năm | - | - |

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | VND |
|---------------------------------|-----------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------|
| Nguyên giá: | | | | | |
| Số đầu năm | 189.076.668.252 | 250.988.790.565 | 45.226.340.376 | 13.704.047.559 | 498.995.846.752 |
| Mua trong năm | 513.150.000 | 2.533.029.586 | 1.699.027.666 | 118.605.000 | 4.863.812.252 |
| Thanh lý | - | (70.735.000) | (1.180.385.239) | - | (1.251.120.239) |
| Số cuối năm | 189.589.818.252 | 253.451.085.151 | 45.744.982.803 | 13.822.652.559 | 502.608.538.765 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết | 44.494.432.530 | 195.678.951.287 | 28.853.921.686 | 7.980.009.286 | 277.007.314.789 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | |
| Số đầu năm | 109.752.087.366 | 217.368.962.949 | 35.272.982.710 | 10.213.998.403 | 372.608.031.428 |
| Khấu hao trong năm | 6.634.965.253 | 8.114.257.516 | 2.482.545.840 | 1.086.722.206 | 18.318.490.815 |
| Thanh lý | - | (70.735.000) | (1.180.385.239) | - | (1.251.120.239) |
| Số cuối năm | 116.387.052.619 | 225.412.485.465 | 36.575.143.311 | 11.300.720.609 | 389.675.402.004 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Số đầu năm | 79.324.580.886 | 33.619.827.616 | 9.953.357.666 | 3.490.049.156 | 126.387.815.324 |
| Số cuối năm | 73.202.765.633 | 28.038.599.686 | 9.169.839.492 | 2.521.931.950 | 112.933.136.761 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | VND | | | |
|--------------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|
| | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Bảng sáng chế</i> | <i>Phần mềm máy tính</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá: | | | | |
| Số đầu năm | 52.217.281.417 | 4.499.714.286 | 3.074.817.880 | 59.791.813.583 |
| Mua trong năm | - | 2.305.000.000 | - | 2.305.000.000 |
| Số cuối năm | <u>52.217.281.417</u> | <u>6.804.714.286</u> | <u>3.074.817.880</u> | <u>62.096.813.583</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Đã hao mòn hết</i> | - | 3.429.714.286 | 2.003.857.880 | 5.433.572.166 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Số đầu năm | 7.501.873.892 | 4.036.880.943 | 2.646.433.868 | 14.185.188.703 |
| Hao mòn trong năm | 730.924.548 | 436.666.660 | 214.191.996 | 1.381.783.204 |
| Số cuối năm | <u>8.232.798.440</u> | <u>4.473.547.603</u> | <u>2.860.625.864</u> | <u>15.566.971.907</u> |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Số đầu năm | <u>44.715.407.525</u> | <u>462.833.343</u> | <u>428.384.012</u> | <u>45.606.624.880</u> |
| Số cuối năm | <u>43.984.482.977</u> | <u>2.331.166.683</u> | <u>214.192.016</u> | <u>46.529.841.676</u> |

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | VND | |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Hệ thống PERP | 7.857.887.500 | 7.857.887.500 |
| Mua sắm máy móc và phương tiện vận tải | 1.736.350.478 | - |
| Cải tạo và nâng cấp công trình | 1.441.480.536 | - |
| Khác | 332.430.667 | 389.609.620 |
| TỔNG CỘNG | <u>11.368.149.181</u> | <u>8.247.497.120</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| Tên công ty | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Vốn đầu tư | % sở hữu | Vốn đầu tư | % sở hữu |
| | (VND) | | (VND) | |
| Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường | 20.000.000.000 | 6,67 | 20.000.000.000 | 6,67 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (2.399.073.941) | | (2.399.073.941) | |
| GIÁ TRỊ THUẬN | 17.600.926.059 | | 17.600.926.059 | |

Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường ("ATP") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700811591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh. ATP có trụ sở chính tại Số 99A, Tổ 3A, Khu phố 5, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của ATP là sản xuất và cung cấp bao bì chất dẻo cho các nhà sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thuốc thú y, thực phẩm.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | VND | |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 4.397.439.686 | 2.784.189.435 |
| Công cụ, dụng cụ | 2.001.792.454 | 1.800.164.082 |
| Phúc lợi nhân viên | 731.614.955 | 90.539.084 |
| Chi phí khác | 1.664.032.277 | 893.486.269 |
| Dài hạn | 937.112.982 | 2.253.330.137 |
| Công cụ, dụng cụ | 653.308.384 | 330.074.368 |
| Chi phí sửa chữa | 145.679.761 | 1.689.284.353 |
| Chi phí khác | 138.124.837 | 233.971.416 |
| TỔNG CỘNG | 5.334.552.668 | 5.037.519.572 |

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| USM Healthcare Medical Devices Factory JSC | 172.326.262.879 | 46.091.846.951 |
| PT Capsugel Indonesia | 10.799.089.309 | 27.426.165.515 |
| Khác | 133.837.411.260 | 132.890.487.792 |
| TỔNG CỘNG | 316.962.763.448 | 206.408.500.258 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | VND | |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long | 19.660.806.813 | - |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Mộc Tinh | - | 6.763.024.057 |
| Khác | 5.561.381.323 | 1.373.062.864 |
| TỔNG CỘNG | 25.222.188.136 | 8.136.086.921 |

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | VND | | | |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.595.781.187 | 50.122.573.035 | (45.955.124.134) | 17.763.230.088 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.128.789.495 | 2.743.734.217 | (3.545.437.867) | 1.327.085.845 |
| Thuế giá trị gia tăng | 2.673.051.855 | 42.997.823.654 | (44.956.289.622) | 714.585.887 |
| Thuế nhập khẩu | - | 1.783.570.824 | (1.783.570.824) | - |
| Các loại thuế khác | - | 291.489.584 | (291.489.584) | - |
| TỔNG CỘNG | 18.397.622.537 | 97.939.191.314 | (96.531.912.031) | 19.804.901.820 |

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VND | |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Hoa hồng bán hàng | 5.897.424.019 | 4.392.736.934 |
| Khác | 1.185.329.597 | 869.743.946 |
| TỔNG CỘNG | 7.082.753.616 | 5.262.480.880 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

| | VND | |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Ngắn hạn | 5.151.747.752 | 12.814.904.142 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | 3.727.371.217 | 3.110.871.217 |
| Khác | 1.424.376.535 | 9.704.032.925 |
| Dài hạn | 139.107.930 | 88.209.330 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 139.107.930 | 88.209.330 |
| TỔNG CỘNG | <u>5.290.855.682</u> | <u>12.903.113.472</u> |

18. QUỸ PHÚC LỢI

| | VND | |
|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Số đầu năm | 2.123.439.293 | 2.437.849.281 |
| Trích quỹ lập trong năm | 15.928.186.833 | 17.953.520.103 |
| Sử dụng quỹ trong năm | <u>(16.400.694.753)</u> | <u>(18.267.930.091)</u> |
| Số cuối năm | <u>1.650.931.373</u> | <u>2.123.439.293</u> |

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|--|-----------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------|
| Năm trước | | | | | VND |
| Số đầu năm | 347.274.650.000 | 60.333.949.894 | 728.227.967.940 | 179.535.201.028 | 1.315.371.768.862 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | (3.850.000.000) | (3.850.000.000) |
| Trích lập quỹ | - | - | 70.913.018.425 | (88.866.538.528) | (17.953.520.103) |
| Cổ tức công bố | - | - | - | (86.818.662.500) | (86.818.662.500) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 159.281.868.295 | 159.281.868.295 |
| Số cuối năm | 347.274.650.000 | 60.333.949.894 | 799.140.986.365 | 159.281.868.295 | 1.366.031.454.554 |
| Năm nay | | | | | |
| Số đầu năm | 347.274.650.000 | 60.333.949.894 | 799.140.986.365 | 159.281.868.295 | 1.366.031.454.554 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | (3.850.000.000) | (3.850.000.000) |
| Trích lập quỹ | - | - | 52.685.018.962 | (68.613.205.795) | (15.928.186.833) |
| Cổ tức công bố (*) | - | - | - | (86.818.662.500) | (86.818.662.500) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 200.075.859.018 | 200.075.859.018 |
| Số cuối năm | 347.274.650.000 | 60.333.949.894 | 851.826.005.327 | 200.075.859.018 | 1.459.510.464.239 |

(*) Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500 VND/cổ phiếu), tương ứng 86.818.662.500 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ-DMC ngày 19 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

| | Năm nay | VND Năm trước |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn cổ phần đã góp | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | <u>347.274.650.000</u> | <u>347.274.650.000</u> |
| Cổ tức | | |
| Cổ tức của năm trước đã công bố | 86.818.662.500 | 86.818.662.500 |
| Cổ tức đã trả | 86.818.662.500 | 86.818.662.500 |

19.3 Vốn cổ phần

| | Số cuối năm | Cổ phiếu Số đầu năm |
|---|-------------------|------------------------|
| Cổ phiếu được phép phát hành | 34.727.465 | 34.727.465 |
| Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 34.727.465 | 34.727.465 |
| Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 34.727.465 | 34.727.465 |

19.4 Lãi trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND) | 200.075.859.018 | 159.281.868.295 |
| Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*) | - | (15.928.186.830) |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND) | 200.075.859.018 | 143.353.681.465 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu) | <u>34.727.465</u> | <u>34.727.465</u> |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) <i>(Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)</i> | <u>5.761</u> | <u>4.128</u> |
| Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND) | <u>5.761</u> | <u>4.128</u> |

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ-DMC ngày 26 tháng 4 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

| | VND | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng doanh thu | 1.593.498.072.152 | 1.567.817.504.900 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 853.850.728.937 | 822.830.034.056 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 739.647.343.215 | 744.987.470.844 |
| Trừ: Hàng bán bị trả lại | (771.324.149) | (69.422.658.310) |
| DOANH THU THUẦN | 1.592.726.748.003 | 1.498.394.846.590 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu đối với bên khác</i> | 1.583.691.231.479 | 1.484.245.889.429 |
| <i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i> | 9.035.516.524 | 14.148.957.161 |

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi | 18.977.138.594 | 11.611.901.299 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 4.471.863.188 | 2.625.401.292 |
| Khác | 108.044.608 | 30.339.648 |
| TỔNG CỘNG | 23.557.046.390 | 14.267.642.239 |

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | VND | |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 660.815.483.512 | 662.676.576.719 |
| Giá vốn thành phẩm đã bán | 479.022.575.571 | 434.102.732.156 |
| TỔNG CỘNG | 1.139.838.059.083 | 1.096.779.308.875 |

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí bán hàng | 146.216.724.157 | 144.898.379.173 |
| Chi phí nhân viên | 71.751.134.206 | 66.004.337.370 |
| Chi phí khuyến mãi, tiếp thị | 44.220.034.131 | 51.628.767.261 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.904.395.725 | 7.113.107.850 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 1.669.807.391 | 1.557.825.499 |
| Chi phí khác | 20.671.352.704 | 18.594.341.193 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 72.188.363.768 | 70.312.214.024 |
| Chi phí nhân viên | 41.764.753.099 | 40.916.811.196 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.642.118.817 | 11.556.573.474 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 6.912.036.200 | 10.592.350.603 |
| Chi phí khác | 10.869.455.652 | 7.246.478.751 |
| TỔNG CỘNG | 218.405.087.925 | 215.210.593.197 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|--|-----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chiết khấu thanh toán | 5.206.610.526 | 2.756.428.345 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 4.900.604.745 | 96.235.237 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư | - | (144.343.610) |
| Khác | 789.433 | 722.620 |
| TỔNG CỘNG | 10.108.004.704 | 2.709.042.592 |

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên vật liệu | 1.096.908.210.027 | 1.015.652.524.494 |
| Chi phí nhân viên | 178.215.838.108 | 172.353.743.050 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 62.414.919.498 | 66.582.272.763 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10) | 19.700.274.019 | 24.146.095.583 |
| Chi phí khác | 37.018.260.427 | 43.441.265.592 |
| TỔNG CỘNG | 1.394.257.502.079 | 1.322.175.901.482 |

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 250.198.432.053 | 199.204.330.481 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 50.039.686.410 | 39.840.866.096 |
| <i>Điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí không được trừ | 82.886.625 | 81.596.090 |
| Chi phí thuế TNDN | 50.122.573.035 | 39.922.462.186 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> |
|---|--|
| Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Dược phẩm Glomed) | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Abbott Operations Uruguay | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Dinh Dưỡng 3A (Việt Nam) | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Bình Thuận | Bên liên quan (đến ngày 1 tháng 4 năm 2022) |
| Ông Nguyễn Việt Phương | Chủ tịch |
| Bà Lương Thị Hương Giang | Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc |
| Ông Douglas Kuo | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Cedric Guy Yves Schepens | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Leonid Goldshteyn | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Phi Thức | Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 19 tháng 4 năm 2022) |
| Ông Nguyễn Văn Hóa | Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 4 năm 2022) |
| Ông Nguyễn Duy Tùng | Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 10 năm 2022) |
| Bà Phạm Ngọc Tuyền | Kế toán trưởng |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| VND | | | | |
|--|-----------------------------|------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Bình Thuận | Bên liên quan | Mua nguyên liệu Bán thành phẩm | - - | 7.883.127.640 5.765.491.183 |
| Công ty TNHH Dược phẩm Glomed | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán nguyên liệu Mua nguyên liệu | 3.346.834.500 4.629.630 | 4.522.707.200 2.301.120.000 |
| Abbott Operations Uruguay | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán thành phẩm | 5.019.381.024 | 2.008.981.535 |
| Công ty TNHH Dinh Dưỡng 3A (Việt Nam) | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán thành phẩm | 669.301.000 | 1.486.424.483 |
| Abbott Laboratoires (Chile) Holdco Spa | Công ty mẹ | Chi cổ tức | 44.874.500.000 | 44.874.500.000 |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước | Cổ đông lớn | Chi cổ tức | 30.136.167.500 | 30.136.167.500 |

Số dư các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| VND | | | | |
|---|---|---------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i> | | | | |
| Công ty TNHH Dược phẩm Glomed | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán nguyên liệu | 1.409.349.579 | 56.093.723 |
| Công ty TNHH Dinh Dưỡng 3A (Việt Nam) | Công ty trong cùng Tập đoàn | Bán thành phẩm | 125.160.020 | 414.773.339 |
| Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Bình Thuận | Bên liên quan (đến ngày 1 tháng 4 năm 2022) | Bán thành phẩm | - | 2.129.625.807 |
| | | | 1.534.509.599 | 2.600.492.869 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm như sau:

| Tên | Chức vụ | Năm nay | VND |
|------------------------------|--|----------------------|----------------------|
| | | | Năm trước |
| Ông Nguyễn Việt Phương | Chủ tịch HĐQT | 264.000.000 | 178.933.333 |
| Ông Lê Đình Bửu Trí | Chủ tịch HĐQT (đến ngày 26 tháng 4 năm 2021) | - | 85.066.667 |
| Ông Douglas Kuo | Thành viên HĐQT | 192.000.000 | 232.000.000 |
| Ông Leonid Goldshteyn | Thành viên HĐQT | 192.000.000 | 192.000.000 |
| Ông Cedric Guy Yves Schepens | Thành viên HĐQT | 192.000.000 | 192.000.000 |
| Bà Lương thị Hương Giang | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 3.719.980.000 | 4.417.080.000 |
| Ông Nguyễn Duy Tùng | Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 10 năm 2022) | 472.100.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Hóa | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 4 năm 2022) | 971.439.420 | 2.745.080.000 |
| Ông Nguyễn Phi Thức | Thành viên HĐQT (từ ngày 19 tháng 4 năm 2022) Trưởng BKS (đến ngày 19 tháng 4 năm 2022) | 804.827.650 | 599.400.000 |
| Bà Huỳnh Thị Tố Quyên | Trưởng BKS (từ ngày 19 tháng 4 năm 2022) | 132.766.667 | - |
| Ông Phan Thế Thành | Kiểm soát viên | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Bà Servane Gorgiard | Kiểm soát viên | 120.000.000 | 145.000.000 |
| Ông Samuel Timothy Nance | Kiểm soát viên | 120.000.000 | 145.000.000 |
| Bà Sze Chin Wong | Kiểm soát viên | 120.000.000 | 120.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | 7.421.113.737 | 9.171.560.000 |

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | VND | |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Dưới 1 năm | 576.733.333 | 579.900.000 |
| Từ 1 năm đến 5 năm | 435.000.000 | 905.400.000 |
| TỔNG CỘNG | 1.011.733.333 | 1.485.300.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế trong một khu vực địa lý. Do đó, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ các loại: Đô la Mỹ (USD) | 97.348 | 112.736 |

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Số: 14/HDQT-DMC

TP. Cao Lãnh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
QUÝ CỔ ĐÔNG**

“V/v Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 tăng 25,61% so với cùng kỳ năm 2021”

Căn cứ vào Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (Mã CK: DMC) giải trình biến động kết quả kinh doanh năm 2022 tăng trưởng 25,61% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm 2021:

1. Kết quả thực hiện năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2021 | Chênh lệch | % |
|--------------------|----------|----------|------------|--------|
| Doanh thu thuần | 1.592,73 | 1.498,39 | 94,33 | 6,30% |
| Lợi nhuận sau thuế | 200,08 | 159,28 | 40,79 | 25,61% |

2. Nguyên nhân

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của năm 2022 ghi nhận sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2021 lần lượt là 6,30% và 25,61%, nguyên nhân chủ yếu đến từ:

- + Công ty đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, sản xuất và đưa ra thị trường đa dạng các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm chức năng đáp ứng nhu cầu của chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng cao của người dân sau giai đoạn dịch bệnh COVID-19.
- + Công ty duy trì các biện pháp kiểm soát chi phí, hạn chế những rủi ro đến từ biến động tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào và sự biến động của tỷ giá USD/VND.
- + Công ty đã tổ chức chặt chẽ hệ thống phân phối nhằm kết nối tốt với khách hàng, phát triển chiến lược quảng bá, tiếp thị, đẩy mạnh các chính sách bán hàng đối với các sản phẩm chủ lực nhằm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.



Trên đây là các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2022 của Công ty tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2021.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y tế Domesco kính giải trình cho Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng kính chào./.

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

CTCP Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco
Người Công Bố Thông Tin



Nguyễn Duy Tùng

